# BÁO BÀI - LỚP 2A - ISP04

Class Assignment Report - Grade 2A

*(Tuần/week: 1 Từ ngày/From 18/08/2025 đến ngày/To 22/08/2025)*

*GVCN/ Homeroom Teacher: Nguyễn Thị Nguyên*

| Thứ - Ngày<br>*Day - Date* | Tiết<br>*Period* | Môn<br>*Subject* | Nội dung học tập<br>*Lesson Details* | Dặn dò<br>*Preparation Notes* |
|---|---|---|---|---|
| Thứ Hai<br>*Monday*<br>(18/08/25) | | **Đọc sách** | | |
| | 1 | **Đạo đức** | Nắm qua các nội dung sẽ được học trong chương trình | Đem SGK |
| | 2 | **Toán** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông, bút chì, gôm, vở ô li |
| | 3 | **GTS** | Định hướng đầu năm học | Chuẩn bị bút chì, màu, hồ dán |
| | 4 | **Tiếng Việt** | Làm quen - Ổn định nề nếp | HS chuẩn bị bảng con, bút lông hoặc phấn viết bảng, bút chì, gôm |
| | 5 | **Tiếng Việt** | | |
| | 6 | **Bơi** | Giới thiệu bộ môn bơi.<br>Hướng dẫn các động tác khởi động chung và khởi động chuyên môn. | Đồ bơi kín đáo, kính bơi, nón bơi, đồ thay |
| | 7 | **Bơi** | Làm quen với động tác thở nước trên cạn - dưới nước.<br>Chơi trò chơi dưới nước. | |
| | 8 | **English (Expat)** | "All about me! Set the rules<br>Unit Starter: Lesson 1 SB & WB" | Chuẩn bị đồ dùng học tập(bút, vở, sách,...) |
| | 9 | **English (Expat)** | | |
| Thứ Ba<br>*Tuesday*<br>(19/08/25) | | **Đọc sách** | | |
| | 1 | **English** | "Unit Starter: Lesson 2 _SB & WB(He's / She's got...)" | Chuẩn bị đồ dùng học tập(bút, vở, sách,...) |
| | 2 | **English** | | |
| | 3 | **Âm nhạc** | Giới thiệu bộ môn âm nhạc 2 | SGK Âm nhạc 2, bình nước cá nhân. |
| | 4 | **Âm nhạc** | Trò chơi Đấu trường âm nhạc. | SGK Âm nhạc 2, bình nước cá nhân. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 5 | **Tiếng Việt** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông hoặc phấn viết bảng, bút chì, gôm |
| | 6 | **Toán** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông, bút chì, gôm, vở ô li |
| | 7 | **KNS** | Định hướng đầu năm học | Chuẩn bị bút chì, màu, hồ dán |
| | 8 | **English (Expat)** | "Unit Starter: Lesson 3 _SB & WB (Days of the week)" | Chuẩn bị đồ dùng học tập(bút, vở, sách,...) |
| | 9 | **English (Expat)** | | |
| **Thứ Tư** ***Wednesday*** **(20/08/25)** | | **Đọc sách** | | |
| | 1 | **Toán** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông, bút chì, gôm, vở ô li |
| | 2 | **GDTC** | Làm quen lớp học<br>Phổ biến nội quy, quy trình lớp học | Mang giày và mang bình nước cá nhân |
| | 3 | **GDTC** | Giới thiệu nội dung môn học thể dục.<br>Tổ chức trò chơi vận động. | |
| | 4 | **Tiếng Việt** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông hoặc phấn viết bảng, bút chì, gôm |
| | 5 | **Tiếng Việt** | | |
| | 6 | **Math** | Khan Maths: Addition and subtraction within 20 | Chuẩn bị đồ dùng học tập (bút, vở, sách,...), thiết bị điện tử |
| | 7 | **Math** | | |
| | 8 | **STEAM PBL** | Làm quen với môn STEAM | |
| | 9 | **STEAM PBL** | | |
| **Thứ Năm** ***Thursday*** **(21/08/25)** | | **Đọc sách** | | |
| | 1 | **Mỹ thuật** | Làm quen lớp, nội quy, quy tắc và những dụng cụ cần khi học Mỹ thuật.<br>Ôn tập các đường nét cơ bản | Đem tập vẽ A4, bút chì, gom, đồ chuốt chì, màu vẽ |
| | 2 | **Mỹ thuật** | | |
| | 3 | **English (Expat)** | Khan Kids lessons | Chuẩn bị đồ dùng |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4 | **English (Expat)** | | học tập(bút, vở, sách,...) |
| | 5 | **Toán** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông, bút chì, gôm, vở ô li |
| | 6 | **Tin học - CNKT** | Làm quen với môn CN-KT | Học tại phòng ICT |
| | 7 | **Tin học - CNKT** | | |
| | 8 | **Tiếng Việt** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông hoặc phấn viết bảng, bút chì, gôm |
| | 9 | **Tiếng Việt** | | |
| **Thứ Sáu** *Friday* (22/08/25) | | **SHCN** | | |
| | 1 | **English** | "Unit Starter: Lesson 4 _SB & WB (toys, colors and numbers)" | Chuẩn bị đồ dùng học tập(bút, vở, sách,...) |
| | 2 | **English** | | |
| | 3 | **Tiếng Việt** | Ôn tập | |
| | 4 | **Toán** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông, bút chì, gôm, vở ô li |
| | 5 | **TNXH** | Định hướng đầu năm học | Chuẩn bị đồ dùng học tập, sách vở, bút màu |
| | 6 | **Tiếng Việt** | Ôn tập | HS chuẩn bị bảng con, bút lông hoặc phấn viết bảng, bút chì, gôm |
| | 7 | **Tiếng Việt** | | |
| | 8 | **Sự kiện/ Tự học** | | |
| | 9 | **Sự kiện/ Tự học** | | |